

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2019

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Giao L**, sinh năm 1978. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực A, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Phan Văn V**, sinh năm 1974. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ tạm trú: Khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Giao L trình bày:**

Năm 2003, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Phan Văn V đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày 06/02/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4-5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường hay rượu chè, mỗi lần say xỉn anh V thường hay đánh đập chị. Chị đã nhiều lần làm đơn ly hôn với anh V nhưng vì thương chồng con nên chị đã đồng ý bỏ qua và tiếp tục chung sống với anh V để

chăm lo cho các con. Sau đó, anh Vĩnh đã không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Đăng Trường G (nữ, sinh ngày 27/11/2003) và Phan Đăng Hoàng L1 (nam, sinh ngày 07/6/2008). Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và cháu L1 đến trưởng thành, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại Bản tự khai ngày 16/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn V trình bày:***

Anh thống nhất ý kiến với trình bày của chị Đặng Thị Giao L về quá trình hôn nhân giữa anh và chị L. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc, trong lúc nóng giận anh có đánh chị L. Chị L đã tha thứ cho anh nhiều lần, anh cũng đã có sửa đổi để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, vào tháng 12/2018, anh có đánh chị L nên chị L quyết định ly hôn với anh. Do anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị L, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: : Có 02 con chung tên Phan Đăng Trường G (nữ, sinh ngày 27/11/2003) và Phan Đăng Hoàng L1 (nam, sinh ngày 07/6/2008). Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và cháu L1 đến trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đặng Thị Giao L và anh Phan Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị L khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh V là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2003, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị L cho rằng anh V không lo làm ăn, một mình chị phải gánh vác gia đình, anh V chẳng những không san sẻ với chị mà còn thường hay nhậu nhẹt, đánh đập chị và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Chị đã nhiều lần cho anh V cơ hội để sửa đổi nhưng anh V không hề thay đổi. Do chị không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Tại phiên hòa giải, anh V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do vấn đề kinh tế, trong lúc nóng giận anh có đánh chị L. Chị L đã tha thứ cho anh nhiều lần, anh cũng đã có sửa đổi nhưng vào tháng 12/2018, anh có đánh chị L nên chị L quyết định ly hôn với anh. Do anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn với chị L, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Xét thấy, chị L có yêu cầu ly hôn, anh V không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị L và anh V đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho chị L và anh V hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Anh V cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L nhưng lại không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị L thì khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh V. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh V cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Đăng Trường G (nữ, sinh ngày 27/11/2003) và Phan Đăng Hoàng L1 (nam, sinh ngày 07/6/2008). Chị L và anh V cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và cháu L1 đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện các đương sự đang tranh chấp với nhau vấn đề nuôi con nên Hội đồng xét xử cần xem xét, đánh giá toàn diện về mọi mặt nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho trẻ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và cháu L1, anh V đã bỏ đi làm ở xa từ ngày 18/10/2019 đến nay, chị L vẫn đảm bảo các nhu cầu thiết yếu về sinh hoạt, học tập cho các cháu. Đồng thời, cháu G và cháu L1 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. Do đó, cần giao cháu G và cháu L1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

Mặc dù anh V không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh V quyền được thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở anh V thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh V thống nhất tự thỏa thuận, hiện các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Giao L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Giao L được ly hôn với anh Phan Văn V.

- Về con chung: Giao Phan Đặng Trường G (nữ, sinh ngày 27/11/2003) và cháu Phan Đặng Hoàng L1 (nam, sinh ngày 07/6/2008) cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh V thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Giao L phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010539 ngày 14/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị L đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND X. Hưng Đạo, H. Hưng Nguyên, T. Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế